

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST.
Ngày 26/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Na Rinh.

Bà Thạch Thị Yến Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Hứa Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST- HS, ngày 08 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 12 năm 2024 đối với:

Bị cáo Lê Thị M, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1976, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V (đã chết) và bà Trần Thị Q (đã chết); chồng tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2015; anh, chị, em ruột gồm có 06 người (kể cả bị cáo), lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1982. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị M: Luật sư Trần Minh N – Văn phòng L1. Địa chỉ: Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- **Chị Võ Thị Thanh T**, sinh ngày 09/3/1994. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- **Bà Lê Thị L**, sinh ngày 08/12/1979. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để làm kinh tế nên bà Lê Thị L, ngụ ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhiều lần đến gặp bị cáo Lê Thị M để vay tiền. Quá trình điều tra, đã chứng minh được bị cáo cho bà Lê Thị L vay lãi nặng để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Từ ngày 02/6/2023 đến ngày 24/9/2023, bị cáo cho bà L vay tiền với lãi suất 1%/ngày (30%/tháng; 365%/năm), vay nhiều lần, trả lãi hàng ngày, còn tiền gốc khi nào có thì trả, không giới hạn thời gian trả tiền gốc. Địa điểm nhận tiền vay tại tiệm bán quần áo của Võ Thị Thanh T (con ruột bị cáo), thuộc khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi trả tiền lãi bà L chuyển vào tài khoản Ngân hàng của chị Võ Thị Thanh T. Bị cáo cho bà L vay tiền và nhận tiền lãi thu lợi bất chính như sau:

- Ngày 02/6/2023 đến 05/6/2023: Bị cáo cho bà L vay số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo nhận được tiền lãi 01 ngày 400.000 đồng.

- Ngày 06/6/2023 đến 07/6/2023: Bị cáo cho bà L vay thêm 20.000.000 đồng, nâng số tiền gốc lên 60.000.000 đồng, bị cáo nhận được tiền lãi 01 ngày 600.000 đồng.

- Ngày 08/6/2023 đến 14/6/2023: Bị cáo cho bà L vay thêm 40.000.000 đồng, nâng số tiền gốc lên 100.000.000 đồng, bị cáo nhận tiền lãi 07 ngày là 7.000.000 đồng.

- Ngày 14/6/2023: Bà L trả được 20.000.000 đồng tiền gốc.

- Ngày 15/6/2023 đến 13/7/2023: Bà L còn nợ bị cáo M 80.000.000 đồng tiền gốc, bị cáo nhận tiền lãi 27 ngày là 21.600.000 đồng.

- Ngày 13/7/2023: Bà L trả được 20.000.000 đồng tiền gốc.

- Ngày 15/7/2023 đến 24/7/2023: Bà L còn nợ bị cáo M 60.000.000 đồng tiền gốc, bị cáo nhận tiền lãi 10 ngày là 6.000.000 đồng.

- Từ ngày 25/7/2023 đến 14/9/2023: Bà L còn nợ bị cáo M 60.000.000 đồng tiền gốc nhưng không trả tiền lãi.

- Ngày 15/9/2023 đến 24/9/2023: Bị cáo cho bà L vay thêm 40.000.000 đồng, nâng số tiền gốc lên 100.000.000 đồng, bị cáo nhận tiền lãi 08 ngày là 8.000.000 đồng.

Như vậy trong khoảng thời gian từ ngày 02/6/2023 đến 24/9/2023 bị cáo nhận tiền lãi của bà L tổng cộng 43.600.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 2.389.041 đồng, số tiền thu lợi bất chính số tiền 41.210.959 đồng.

Ngày 26/9/2023 đến 22/11/2023: Bà L còn nợ bị cáo số tiền gốc 100.000.000 đồng nên xin giảm lãi xuống còn 0,5%/ngày (15%/tháng; 182,5%/năm), bị cáo đồng ý. Bà L tiếp tục trả lãi cho bị cáo được 26 ngày với số tiền 13.000.000 đồng, số tiền được phép thu theo quy định của pháp luật là 1.424.658 đồng, số tiền lãi nặng thu lợi bất chính số tiền 11.575.342 đồng.

Ngày 29/11/2023, bà L vẫn còn nợ bị cáo M tiền gốc 100.000.000 đồng, xin giảm lãi xuống còn 0,2%/ngày, bị cáo đồng ý. Bà L tiếp tục trả lãi đến ngày 13/12/2023 số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 18/12/2023, bà L xin giảm lãi xuống còn 0,1%/ngày, bị cáo đồng ý. Bà L tiếp tục trả lãi đến ngày 23/3/2024 số tiền 6.040.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 02/6/2023 đến ngày 22/11/2023, bị cáo đã cho bà Lê Thị L vay lãi nặng nhiều lần với tổng số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, đã thu tổng số tiền lãi là 56.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 3.813.699 đồng (20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 52.786.301 đồng. Hiện nay bà L còn nợ bị cáo số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/11/2023 đến ngày 23/3/2024, bị cáo nhận được tổng số tiền lãi từ bà L là 8.040.000 đồng (lãi suất 0,1%/ngày và 0,2%/ngày) chưa đủ gấp 05 lần mức lãi suất mà Bộ luật dân sự quy định, đây không phải là số tiền thu lợi bất chính.

Ngoài ra, trước đó vào khoảng tháng 8 năm 2022 đến ngày 18/5/2023 bà Lê Thị L còn nhiều lần vay tiền của bị cáo và đã trả hết nợ gốc, lãi. Quá trình điều tra không chứng minh được tổng số tiền gốc cho vay, lãi suất cho vay, tổng số tiền lãi bị cáo thu được từ bà L nên không có cơ sở xử lý.

Ngày 12/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Lê Thị M về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú phục vụ điều tra.

Đối với chị Võ Thị Thanh T không tham gia, không bàn bạc với bị cáo cho bà L vay tiền, chị T chỉ sử dụng tài khoản Ngân hàng của mình để nhận chuyển khoản tiền lãi từ bà L nên không đủ cơ sở xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với người vay bà Lê Thị L: Yêu cầu bị cáo Lê Thị M trả lại số tiền đã thu lợi bất chính 52.786.301 đồng. Bị cáo đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang nộp số tiền 52.786.301 đồng đảm bảo khắc phục hậu quả.

- Đối với bị cáo Lê Thị M: Số tiền lãi đã thu của bà L tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) là 3.813.699 đồng, bị cáo phải nộp lại cho Cơ quan Nhà nước để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền gốc cho vay 100.000.000 đồng bà L còn nợ bị cáo, bà L cũng phải nộp lại cho Cơ quan Nhà nước để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 62/CT-VKS-HS, ngày 07/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị cáo Lê Thị M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị M khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về bản Cáo trạng, mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bà Lê Thị L trình bày:

- Thời gian từ ngày 02/6/2023 đến 24/9/2023 bà có vay tiền của bị cáo, lãi suất 01%/ngày (30%/tháng; 365%/năm), bà có đóng lãi cho bị cáo nhận tổng cộng 43.600.000 đồng.

- Từ ngày 26/9/2023 đến 22/11/2023 bà có vay tiền của bị cáo, mức lãi suất là 0,5%/ngày (15%/tháng; 182,5%/năm), bà có đóng lãi cho bị cáo nhận số tiền 13.000.000 đồng.

- Ngày 29/11/2023, bà xin giảm lãi xuống còn 0,2%/ngày, bà đóng tiền lãi cho bị cáo nhận đến ngày 13/12/2023 số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 18/12/2023, bà xin giảm lãi xuống còn 0,1%/ngày, bà đóng lãi cho bị cáo nhận đến ngày 23/3/2024 số tiền là 6.040.000 đồng.

Hiện tại bà còn nợ bị cáo Lê Thị M số tiền gốc là 100.000.000 đồng chưa trả. Nay bà yêu cầu bị cáo Lê Thị M trả lại số tiền thu lợi bất chính 52.786.301 đồng, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hứa Văn B đại diện cho cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị M nộp phạt số tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho bà Lê Thị L số tiền lãi suất thu lợi bất chính là 52.786.301 đồng. Ngoài ra Kiểm sát viên còn buộc bị cáo M nộp số tiền lãi suất 3.813.699 đồng, buộc bà Lê Thị L nộp số tiền gốc 100.000.000 đồng (số tiền còn nợ bị cáo) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư Trần Minh N trình bày lời bào chữa cho bị cáo Lê Thị M: Khẳng định bản Cáo trạng số: 62/CT-VKS-HS, ngày 07/11/2024 của Viện kiểm sát huyện C truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng. Luật sư không bào chữa về tội danh và khung hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi vì bị cáo học lớp 01 nên tiếp cận và hiểu biết quy định của pháp luật còn hạn chế, không thấy hết hậu quả pháp lý khi cho vay lãi nặng, việc cho vay tiền không phải là nghề chính của bị cáo, mục đích bị cáo cho vay để giúp bà L có vốn làm ăn, còn lãi suất 30% tháng và 15%/ tháng là do bị cáo và bà L tự thỏa thuận với nhau, không ai ép buộc. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt. Đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tiền xử phạt bị cáo mức phạt 50.000.000 đồng cũng đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Bị cáo Lê Thị M nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nêu trên là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị M khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/6/2023 đến ngày 22/11/2023, tại khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo Lê Thị M cho bà Lê Thị L, sinh năm 1979, ngụ ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vay lãi nặng nhiều lần, với mức lãi suất cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm), tổng số tiền gốc cho vay là 100.000.000 đồng, đã thu tổng số tiền lãi là 56.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 3.813.699 đồng (20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 52.786.301 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị M thừa nhận đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nêu trên, mức lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất quy định của pháp luật là sai trái, là vi phạm pháp luật.

Từ những chứng cứ, căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người vay, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự có quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ...”.

Xét thấy trong thời gian từ ngày 02/6/2023 đến 24/9/2023 bị cáo cho bà L vay tiền với mức lãi suất 01%/ngày (tức 30%/tháng; 356%/năm) cao hơn gấp 05 lần mà khoản 1

Điều 468 của Bộ luật dân sự có quy định, bị cáo đã nhận tiền đóng lãi của bà L tổng cộng là 43.600.000 đồng. Từ ngày 26/9/2023 đến 22/11/2023 bị cáo cho bà L vay mức lãi suất giảm xuống còn 0,5%/ngày (tức 15%/tháng; 182,5%/năm), cao hơn gấp 05 lần mà khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định, bị cáo nhận tiền đóng lãi của bà L số tiền 13.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc bị cáo cho bà L vay là 100.000.000 đồng, bị cáo đã thu tổng số tiền lãi do bà L đóng là 56.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 3.813.699 đồng (20%/năm), bị cáo thu lợi bất chính số tiền 52.786.301 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Trong vụ án này, thông qua giao dịch dân sự hợp đồng vay tiền, bị cáo cho bà L vay tiền, bị cáo lấy tiền lãi suất quá cao, cao hơn gấp 05 lần so với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định, mục đích nhằm thu lợi bất chính số tiền 52.786.301 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nhiều hệ lụy cho bà Lê Thị L là người vay tiền của bị cáo phải trả tiền lãi suất hàng tháng quá cao, đã làm ảnh hưởng đến đời sống thu nhập, kinh tế gia đình của bà L, tính đến nay bà L chưa trả được số tiền gốc cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã nộp tiền khắc phục xong hậu quả. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính để xử phạt bị cáo cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 52.786.301 đồng, đây là số tiền lãi suất bà L đã đóng cho bị cáo nhận khi áp dụng mức lãi suất cao hơn gấp 05 lần so với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định, là số tiền thu lợi bất chính. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho bà Lê Thị L.

[3]. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội:

- Đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng bị cáo cho bà L vay, hiện tại bà L còn nợ bị cáo chưa trả. Đây là số tiền bị cáo cho vay để lấy tiền lãi suất cao hơn gấp 05 lần mà khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị L phải nộp lại số tiền gốc 100.000.000 đồng mà bà đã vay của bị cáo Lê Thị M để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 3.813.699 đồng, đây là số tiền lãi suất bị cáo được phép thu theo quy định của pháp luật. Do số tiền này bị cáo có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Thị M nộp lại số tiền 3.813.699 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị M có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét lời của Luật sư Trần Minh N trình bày lời bào chữa cho bị cáo nêu trên là có căn cứ, tuy nhiên vị Luật sư đề nghị áp dụng mức khởi điểm xử phạt tiền bị cáo và đề xử phạt là chưa hợp lý, bởi vì bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng với số tiền là 52.786.301 đồng.

[6]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị M nộp phạt số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị M có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 52.786.301 đồng (Năm mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm lẻ một đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang tiếp tục quản lý số tiền 52.786.301 đồng theo biên lai thu tiền số 0003920, ngày 31/10/2024 do bị cáo Lê Thị M nộp để đảm bảo cho việc thi hành án, khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Buộc bà Lê Thị Lệ N1 lại số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà bà đã vay của bị cáo Lê Thị M để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Buộc bị cáo Lê Thị M nộp lại số tiền 3.813.699 đồng (Ba triệu, tám trăm mười ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị M có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm